TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2017/DS-PT
Ngày: 20-12-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Duy Lâm.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 229/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Tổ 4, Ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1962.

- *Bị đơn*: Anh Trần Thế H, sinh năm 1987; Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Tổ 7, Ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: ông Ngọ Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 4, Ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Kim T, bị đơn.

Chị Đỗ Thị M, chị Nguyễn Kim T có mặt, anh Trần Thế H, ông Ngọ Văn Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Ngày 10/10/2014 vợ chồng anh H, chị T có vay của bà số tiền 60.000.000 đồng, hẹn trả trong vòng 05 ngày, lãi suất thỏa thuận 1.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Anh H, chị T đã trả cho bà được 300.000 đồng tiền lãi trong 05 ngày; về số tiền gốc thì anh H, chị T xin gia hạn đến khi nào vay được tiền ngân hàng sẽ trả, lãi suất thỏa thuận lại mỗi tháng là 1,5%. Ngày 25/10/2014, anh H, chị T vay thêm của bà 200.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng. Ngày 02/4/2015, anh H, chị T vay thêm của bà 250.000.000 đồng để mua bán phế liệu, thỏa thuận trả góp mỗi ngày 400.000 đồng, anh H, chị T đã trả cho bà được 06 ngày với số tiền 2.400.000 đồng thì không trả nữa. Như vậy, anh H, chị T vay tiền của bà 3 lần tổng cộng 510.000.000 đồng đều có làm giấy. Các giấy vay tiền do chị T viết, chị T và anh H cùng ký tên. Anh H, chị T đã ngưng trả lãi cho bà từ ngày 02/10/2015 và đến nay cũng không trả tiền gốc cho bà.

Ngày 10/3/2016, bà có thỏa thuận góp vốn mua bán mủ cao su với vợ chồng chị T, bà bỏ vốn mua mủ, vợ chồng chị T bỏ công bốc vác và xe chở mủ, chia lợi nhuận cho bà 200 đồng/kg mủ quy khô, cứ 10 ngày tính tiền một lần. Đến ngày 15/6/2016, bà bận nhiều công việc không trực tiếp thực hiện việc mua bán mủ nữa nên đã bàn giao lại toàn bộ số tiền đã góp là 440.000.000 đồng cho vợ chồng chị T tiếp tục mua bán. Tuy nhiên, kể từ khi đó thì vợ chồng chị T không trả lợi nhuận cho bà theo thỏa thuận. Đến ngày 03/8/2016, hai bên thỏa thuận chuyển số tiền này thành tiền vay chị T có ký Giấy nhận nợ do bà viết, do anh H đi vắng nên không ký tên. Theo Giấy nhận nợ thì chị T hẹn đến ngày 02/12/2016 sẽ trả đủ tiền cho bà nhưng đến nay cũng chưa trả.

Tổng cộng, anh H, chị T nợ bà số tiền 950.000.000 đồng. Bà đi đòi nhiều lần nhưng anh H, chị T chỉ hứa hẹn mà không trả nên bà mới khởi kiện. Nay bà yêu cầu anh H, chị T trả cho bà số tiền gốc là 950.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:

Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C. Đối với số tiền 440.000.000 đồng là khoản tiền hùn vốn làm ăn nên nếu có lãi thì cùng hưởng, nếu thua lỗ thì cùng chịu nên không đồng ý trả lại cho bà C. Đối với 3 khoản vay tổng cộng là 510.000.000 đồng thì chị chỉ đồng ý trả với điều kiện bà C phải khấu trừ cho chị số tiền 190.000.000 đồng (trong đó có 150.000.000 đồng tiền chị vay của ông Lê Ngọc L mà TAND huyện T, tỉnh Tây Ninh đã xét xử theo Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 10/8/2017 và 40.000.000 đồng

cha, mẹ chị nợ bà C mà TAND huyện T, tỉnh Tây Ninh đã xét xử theo Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 18/4/2017).

Bị đơn anh Trần Thế H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C. Do bận công việc nên anh xin được xét xử vắng mặt trong vụ án này. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngọ Văn Đ trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà C. Số tiền 950.000.000 đồng mà anh H, chị T nợ là tài sản chung của ông bà. Vì lý do sức khỏe nên ông xin được xét xử vắng mặt trong vụ án này. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Bản án sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 25-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử: Căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với anh Trần Thế H và chị Nguyễn Kim T về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Trần Thế H và chị Nguyễn Kim T cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị C và ông Ngọ Văn Đ số tiền gốc là 950.000.000 (Chín trăm năm mươi triệu) đồng; ghi nhận bà Nguyễn Thị C không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09-10-2017 bị đơn chị Nguyễn Kim T kháng cáo không đồng ý trả cho bà C số tiền 950.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong khoảng thời gian từ 10-10-2014 đến 02-4-2015 Bà Nguyễn Thị C có cho vợ chồng anh Trần Thế H và chị Nguyễn Kim T vay tiền 3 lần với tổng cộng số tiền nợ gốc là 510.000.000 đồng, cụ thể như sau: lần thứ nhất ngày 10/10/2014 vay số tiền 60.000.000 đồng; lần thứ hai ngày 25/10/2014, vay số tiền 200.000.000 đồng; lần thứ ba ngày 02/4/2015 vay số tiền 250.000.000 đồng. Đến ngày 03-8-2016 chị T đã viết lại một giấy nợ chung cho ba giấy nợ nêu trên số tiền vay tổng cộng là 510.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Mai và chị T cũng thống nhất thừa nhận giấy nợ ghi vào ngày 03-8-2016 là giấy tổng nợ của ba giấy nợ nêu trên, sau khi ghi giấy tổng với số nợ là 510.000.000 đồng thì hai bên hủy bỏ ba giấy nợ đã lập trước đây vào các ngày 10/10/2014, 25/10/2014, 02/4/2015 giữa chị T, anh H với bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T thừa nhận vợ chồng anh chị còn nợ của bà C số tiền vay là 510.000.000 đồng, chị không đồng ý trả số tiền nợ này do chị cho rằng bà C còn một giấy nợ mà chị vay với một số tiền khác, theo chị ngoài các khoản nợ nêu trên chị không còn nợ bà C khoản nào khác, chị sợ sau khi trả xong khoản nợ này bà C sẽ khởi kiện yêu cầu chị trả thêm một khoản tiền trùng với khoản tiền mà chị phải trả trong vụ án này. Xét lời trình bày của chị T thấy rằng: Tại phiên tòa giữa chị M và chị đã thừa nhận khoản tiền vay mà bà C khởi kiện trong vụ án này là 510.000.000 đồng được viết giấy nợ vào ngày 03-8-2016, đây là giấy ghi tổng nợ của 3 giấy nợ vào các ngày 10/10/2014, 25/10/2014, 02/4/2015 giữa chị T, anh H với bà C. Qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời trình bày của bà C, nên lời trình bày của chị T là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả số tiền 440.000.000 đồng góp vốn để mua mủ cao su thì thấy rằng. Mặc dù ban đầu giữa bà C với anh H, chị T có thỏa thuận góp vốn để mua mủ cao su, lời thì cùng chia, nhưng sau đó ngày 03-8-2016 hai bên đã thỏa thuận chuyển số tiền này thành tiền vay, chị T đã ký giấy nợ đối với khoản tiền này và tại phiên tòa phúc thẩm chị T cũng thừa nhận đối với khoản nợ này nên chị T, anh H phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 450.000.000 đồng là có căn cứ.

Bà C không yêu cầu vợ chồng chị T, anh H trả lãi nên ghi nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị T: chị T kháng cáo và có nộp chứng cứ kèm theo là giấy biên nhận tiền thể hiện ngày 14-8-2014 bà C có nhận của chị T số tiền là 70.000.000 đồng, nhưng thời điểm của việc giao nhận này là trước ngày chị T vay tiền của bà C (lần thứ nhất vào ngày 10-10-2014) nên không liên quan đến các lần vay nợ của chị T, anh H mà hiện nay bà C đang khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên chị Nguyễn Kim T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với anh Trần Thế H và chị Nguyễn Kim T về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Trần Thế H và chị Nguyễn Kim T cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị C và ông Ngọ Văn Đ số tiền gốc là 950.000.000 (Chín trăm năm mươi triệu) đồng; ghi nhận bà Nguyễn Thị C không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà C, ông Đông cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh H, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Thế H và chị Nguyễn Kim T phải chịu 40.500.000 (Bốn mươi triệu, năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C 16.055.500 (Mười sáu triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0024209 ngày 04-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0024718 ngày 09-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Duy Lâm